

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09- 9- 2020

V/vTranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Trung Hoàn.

2. Ông Nguyễn Thành Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim N, sinh 1987. Địa chỉ: Ấp Q Thắng, xã Q An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Đang sinh sống: Số 6, đường K X, Khóm 6, Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Chị N xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh 1986. Địa chỉ: Ấp Q Thắng, xã Q An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long- vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2020 nguyên đơn Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Năm 2013, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q An Hội. Đến

ngày 22/8/2013, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn mang số 32/2013, quyền số 01/2013. Anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017 thì mâu thuẫn phát sinh, do quan điểm sống không hòa hợp. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Chị N khởi kiện xin ly hôn với anh T.

Anh chị có một con chung là cháu gái tên Nguyễn N Thu O, sinh ngày 17/10/2017, đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu O. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu O. Chị N không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung.

Anh T đã được bàn giao hợp lệ nhiều lần thông báo thụ lý giải quyết vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh T không tham dự các phiên họp nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Chị N xin vắng mặt không tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị Kim N khởi kiện xin ly hôn và nuôi con đôi với anh Nguyễn Văn T, có nơi cư trú tại ấp Q Thắng, xã Q An Hội huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xác định tranh chấp ly hôn và nuôi con, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Chị N xin vắng mặt không tham dự phiên tòa. Nên xét xử vắng mặt chị N là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần để tham dự phiên tòa. Nhưng anh T không tham dự các phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chị N khởi kiện xin ly hôn với anh T. Anh T đã được thông báo họp lệ thông báo thụ lý giải quyết vụ án; thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham dự phiên tòa lần thứ hai. Nhưng anh T đều vắng mặt và không ý kiến phản bác ý kiến yêu cầu của chị N nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2020. Điều này cho thấy, anh T đã thừa nhận ý kiến và yêu cầu của chị N nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2020 là đúng sự thật. Chứng minh được mục đích hôn nhân giữa chị N và anh T không thể đạt được. Nên chị N khởi kiện xin ly hôn anh T

là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

2.2. Chị N và anh T có một con chung là cháu gái tên Nguyễn N Thu O, sinh ngày 17/10/2017, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu O. Anh T không phản bác yêu cầu yêu con của chị N. Nên giao chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu O là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Chị N không yêu cấp dưỡng nuôi con chung. Nên không xét.

2.4. Chị N không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung. Nên không xét.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị N nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a, b khoản 2 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Án dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N:

1. Hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Con chung:

Giao chị Nguyễn Thị Kim N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu gái tên Nguyễn N Thu O, sinh ngày 17/10/2017.

Anh Nguyễn Văn T có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Cấp dưỡng nuôi con:

Không xét.

4. Chia tài sản chung;

Không xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Kim N nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Chị N được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 22/4/2020, lai số 00075500. Chị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Thị Kim N và bị đơn Nguyễn Văn T. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- CTTĐTTAND Tối Cao;
- UBND xã Q An Hội;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh